

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 16.3.2021

THỨC ĂN VẬT CHẤT, THỨC ĂN TINH THẦN

Kinh Đồ Ăn Khất Thực (Piṇḍasuttam)

CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG ÁC MA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 113)

Đức Thế Tôn và chư tăng đi khất thực một phần vì thực phẩm độ nhật, một phần để tạo duyên lành cho chúng sanh. Khất thực đúng nghĩa là lối sống chánh mạng của đời sa môn không rời xa quần chúng. Trong cuộc sống tu hành thì chuyện no đói là bình thường. Một khi đã không thủ đắc tư hữu thì chuyện có không hẳn không là chuyện lớn. Đức Phật trong sự kiện này đã nói lên một ý nghĩa khác là thức ăn tinh thần hay pháp hỷ của thiền định cũng là một thứ dinh dưỡng. Chư Phật có gặp những trường hợp người ta chặn đường đi khất thực (như chuyện vua Thiện Giác), hoặc thuê côn đồ chửi mắng (như chuyện hoàng hậu Magandiyā) hoặc như chuyện trong bài kinh này, Ma ám khiến người dân không cúng dường. Phật an nhiên với tất cả và nhìn tất cả với lòng bi mẫn thương xót muôn loài.



Kinh Văn

**Ekam samayaṃ bhagavā magadhesu viharati pañcasālāyaṃ brāhmaṇagāme.
Tena kho pana samayena pañcasālāyaṃ brāhmaṇagāme kumārikānaṃ
pāhunakāni bhavanti.**

Một thuở Đức Thế Tôn trú ở Magadha tại Pañcasālā, một làng bà la môn. Bấy giờ làng bà la môn Pañcasālā có lễ hội Tình Nhân giữa những thanh niên thiếu nữ.

**Atha kho bhagavā pubbaṇhasamayam nivāsetvā pattacīvaramādāya
pañcasālam brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pāvīsi.**

**Tena kho pana samayena pañcasāleyyakā brāhmaṇagahapatikā mārena
pāpimatā anvāviṭṭhā bhavanti – mā samaṇo gotamo piṇḍamalattḥāti.**

Atha kho bhagavā yathādhota patta pañcasālaṃ brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pāvisi tathādhota patta paṭikkami.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y mang bát cùng y kép vào làng Pañcasālā hoá duyên. Bấy giờ những gia chủ Bà-la-môn trong làng bị ma ám với ý nghĩ: “Đừng để Sa môn Gotama nhận đồ ăn khát thực”.

Đức Thế Tôn đã đi vào làng với bình bát trống sạch và trở về cũng như vậy.

Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ etadavoca ‘api tvaṃ, samaṇa, piṇḍamalathā’ ti?

Rồi Ác ma đi đến Thế Tôn đến nói với Ngài:

Hỡi Sa môn, Ngài có nhận được đồ ăn khát thực không?

“Tathā nu tvaṃ, pāpima, akāsi yathāhaṃ piṇḍaṃ na labheyya” nti.

Này Ác ma, có phải người làm cho Ta không nhận được đồ ăn khát thực?

“Tena hi, bhante, bhagavā dutiyampi pañcasālaṃ brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pavisatu. Tathāhaṃ karissāmi yathā bhagavā piṇḍaṃ lacchatī” ti.

Đúng vậy bạch Ngài. Thế Tôn hãy đi vào làng Bà-la-môn Pañcasālā lần thứ hai. Và tôi sẽ làm để Thế Tôn nhận được đồ ăn khát thực.

**“Apuññaṃ pasavi māro, āsajja naṃ tathāgataṃ;
Kiṃ nu maññasi pāpima, na me pāpaṃ vipaccati.**

**“Susukhaṃ vata jīvāma, yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;
Pitibhakkhā bhavissāma, devā ābhassarā yathā” ti.**

(Thế Tôn)

Ác ma tạo ác hạnh,
Để chống phá Như Lai,
Người thật sự nghĩ rằng:
Ác nghiệp không quả báo?

Ta thật sự an lạc,
Không thủ đắc vật gì,
Pháp hỷ là dưỡng tố,
Như trời cõi quang âm.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī dummano tatthevantaradhāyīti.

Ác ma biết được: "Thê Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết ta" nên buồn và thất vọng liền biến mất tại chỗ ấy.



Thích văn

Apuññaṃ pasavi māro = Ác ma đã tạo ác hạnh
āsajja naṃ tathāgataṃ = Để chống phá Như Lai
Kiṃ nu maññasi pāpima = Ác ma có thật sự nghĩ rằng
na me pāpaṃ vipaccati = “ác hạnh của mình không quả báo”?

Susukhaṃ vata jīvāma = Chúng ta thật sự sống an lạc
yesaṃ no natthi kiñcanaṃ = Chúng ta không thủ đắc bất cứ cái gì
Pītibhakkhā bhavissāma = Chúng ta sống an lạc trong pháp hỷ
devā ābassarā yathā”ti = Như chư thiên cõi Quang Âm



Thích nghĩa

Có hai lễ hội cầu duyên một dành cho những thiếu nữ gọi là Kumārikānam, một dành cho thanh niên gọi là Kumārakānam. Trong lễ hội này những thanh niên thiếu nữ tặng món quà cho người mình có ý yêu thích. Nếu người đó ưng thuận sẽ đáp tặng bằng một món quà do tự mình làm.

Cõi Quang Âm là cõi cao nhất trong ba cõi phạm thiên nhị thiên sắc giới. Gọi như vậy vì hào quang từ thân của những vị này luôn lan tỏa do dưỡng tố của pháp hỷ (pītibhakkhā).

Theo Sớ giải Kinh Pháp Cú thì khi Đức Phật nói lên kệ ngôn về thức ăn tinh thần đã khiến 500 thiếu nữ chứng quả dự lưu.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

8. Piṇḍasuttam [Mūla]

154. Ekaṃ samayaṃ bhagavā magadhesu viharati pañcasālāyaṃ brāhmaṇagāme. Tena kho pana samayena pañcasālāyaṃ brāhmaṇagāme kumārikānaṃ pāhunakāni bhavanti. Atha kho bhagavā pubbaṅhasamayaṃ nivāsetvā pattacīvaramādāya pañcasālaṃ brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pāvīsi. Tena kho pana samayena pañcasāleyyakā brāhmaṇagahapatikā mārena pāpimatā anvāviṭṭhā bhavanti – mā samaṇo gotamo piṇḍamalathāti.

Atha kho bhagavā yathādhotena pattaena pañcasālaṃ brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pāvīsi tathādhotena [yathādhotena (?)] pattaena paṭikkami. Atha kho māro pāpimā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam etadavoca – “api tvam, samaṇa, piṇḍamalathā”ti? “Tathā nu tvam, pāpima, akāsi yathāham piṇḍam na labheyya”nti. “Tena hi, bhante, bhagavā dutiyampi pañcasālaṃ brāhmaṇagāmaṃ piṇḍāya pavisatu. Tathāham karissāmi yathā bhagavā piṇḍam lacchatī”ti.

“Apuññaṃ pasavi māro, āsajja naṃ tathāgataṃ;
Kiṃ nu maññasi pāpima, na me pāpaṃ vipaccati.

“Susukhaṃ vata jīvāma, yesaṃ no natthi kiñcanaṃ;
Pītibhakkhā bhavissāma, devā ābhassarā yathā”ti.

Atha kho māro pāpimā “jānāti maṃ bhagavā, jānāti maṃ sugato”ti dukkhī dummano tathēvantaradhāyīti.

8. Piṇḍasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

154. Aṭṭhame pāhunakāni bhavanti tathārūpe nakkhatte tattha tattha pesetabbāni pāhunakāni bhavanti, āgantukapaṇṇākārādānāni vā. Sayamcaraṇadivase samavayajātigottā kumārakā tato tato sannipatanti. Kumārikāyopi attano attano vibhavānurūpena alaṅkatā taṃ taṃ vicaranti. Tatra kumārikāyopi yathārucikānaṃ kumārakānaṃ paṇṇākāraṃ pesenti, kumārakāpi kumārikānaṃ

aññasmiṃ asati antamaso mālāguḷenapi parikkhipanti. **Anvāviṭṭhā**ti anu āviṭṭhā. Taṃdivasaṃ kira pañcasatā kumārikāyo uyyānakīlaṃ gacchantiyo paṭipathe satthāraṃ disvā chaṇapūvaṃ dadeyyuṃ. Satthā tāsāṃ dānānumodanattāṃ pakiṇṇakadhammadesanaṃ deseyya, desanāpariyosāne sabbāpi sotāpatti-phale paṭiṭṭhaheyyuṃ. Māro tāsāṃ sampattiyā antarāyaṃ karissāmīti anvāvisi. Pāliyaṃ pana **mā samaṇo gotamo piṇḍamalattā**ti ettakāmyeva vuttanti.

Kiṃ pana satthā mārāvattānaṃ ajānitvā pavitṭhoti? Āma ajānitvā. Kasmā? Anāvajjanatāya. Buddhānañhi – “asukatṭhāne bhattaṃ labhissāma, na labhissāmā”ti āvajjanaṃ na ananucchavikaṃ. Pavitṭho pana manussānaṃ upacārabhedāṃ disvā, “kiṃ ida”nti? Āvajjento ñatvā, “āmisatthaṃ mārāvattānaṃ bhindituṃ ananucchavika”nti abhinditvāva nikkhanto.

Upasaṅkamīti amittavijayena viya tuṭṭho sakalagāme kaṭacchumattampi bhattaṃ alabhitvā gāmato nikkhamantaṃ bhagavantaṃ gāmiyamanussavesena upasaṅkami. **Tathāhaṃ karissāmī**ti idaṃ so musā bhāsati. Evaṃ kirassa ahosi – “mayā evaṃ vutte puna pavisissati, atha naṃ gāmadārakā ‘sakalagāme caritvā kaṭacchubhikkhampi alabhitvā gāmato nikkhamma puna pavitṭhosī’tiādīni vatvā uppaṇḍessantī”ti. Bhagavā pana – “sacāyaṃ maṃ evaṃ viheṭhessati muddhamasseva sattadhā phalissatī”ti tasmīṃ anukampāya apavisitvā gāthādvayamāha.

Tattha **pasavī**ti janesi nipphādesi. **Āsajjā**ti āsādetvā ghaṭṭetvā. **Na me pāpaṃ vipaccatī**ti mama pāpaṃ na paccati. **Nipphalaṃ etanti** kiṃ nu tvaṃ evaṃ maññasi? Mā evaṃ maññi, atthi tayā katassa pāpassa phalanti dīpeti. **Kiñcananti** maddituṃ samatthaṃ rāgakiñcanādi kilesajātāṃ. **Ābhassarā yathā**ti yathā ābhassarā devā sappītikajjhānena yāpentā pītibhakkhā nāma honti, evaṃ bhavissāmāti. Aṭṭhamāṃ.